

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1424 /BTC-QLN
V/v thông báo tỷ lệ cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ cụ thể cho tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn ổn định ngân sách từ 2023-2025.

Hà Nội, ngày 15 tháng 2 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Theo quy định tại Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ (Nghị định số 97/2018/NĐ-CP) về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ và Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/08/2021 (Nghị định số 79/2021/NĐ-CP) của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, tỷ lệ cho vay lại đối với Ủy ban nhân dân (UBND) cấp tỉnh được áp dụng trên cơ sở tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi ngân sách địa phương (đối với các địa phương nhận bổ sung cân đối từ trung ương) và phân nhóm các địa phương có điều tiết thu về ngân sách trung ương.

Căn cứ Khoản 3 Điều 2 và Phụ lục VI của Nghị quyết số 70/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2023, trong đó đã quy định rõ tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách trung ương và ngân sách các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương của từng địa phương, để thuận lợi cho UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc xác định tỷ lệ vay lại của địa phương theo quy định tại Nghị định số 79/2021/NĐ-CP và Nghị định số 97/2018/NĐ-CP, Bộ Tài chính thông báo đến các địa phương tỷ lệ cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ cụ thể cho

từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách từ năm 2023 đến năm 2025 tại Phụ lục đính kèm.

Bộ Tài chính xin cảm ơn sự phối hợp của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Vụ NSNN;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QL (70 b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Võ Thành Hưng



PHỤ LỤC I - TỶ LỆ CHO VAY LẠI VỐN VAY ODA, VỐN VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ CỤ THỂ CHO CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ÁP DỤNG CHO THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo công văn số 1424/BTC-QLN ngày 15/2/2023 của Bộ Tài chính)

SỐ TT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỶ LỆ CHO VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ (%)
I	MIỀN NÚI PHÍA BẮC	
1	HÀ GIANG	10
2	TUYÊN QUANG	30
3	CAO BẰNG	10
4	LANG SƠN	10
5	LÀO CAI	50
6	YÊN BÁI	10
7	THÁI NGUYÊN	70
8	BẮC KẠN	10
9	PHÚ THỌ	30
10	BẮC GIANG	50
11	HÒA BÌNH	30
12	SƠN LA	10
13	LAI CHÂU	10
14	ĐIỆN BIÊN	10
II	ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG	
15	HÀ NỘI	100
16	HẢI PHÒNG	70
17	QUẢNG NINH	70
18	HẢI DƯƠNG	70
19	HUNG YÊN	70
20	VĨNH PHÚC	70
21	BẮC NINH	70
22	HÀ NAM	50
23	NAM ĐỊNH	30
24	NINH BÌNH	70
25	THÁI BÌNH	50
III	BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG	
26	THANH HÓA	50
27	NGHỆ AN	30
28	HÀ TĨNH	30
29	QUẢNG BÌNH	50
30	QUẢNG TRỊ	30
31	THỪA THIÊN - HUẾ	50
32	ĐÀ NẴNG	70
33	QUẢNG NAM	70
34	QUẢNG NGÃI	70

SỐ TT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỶ LỆ CHO VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ (%)
35	BÌNH ĐỊNH	50
36	PHÚ YÊN	50
37	KHÁNH HÒA	70
38	NINH THUẬN	50
39	BÌNH THUẬN	50
IV	TÂY NGUYÊN	
40	ĐẮK LẮK	30
41	ĐẮK NÔNG	30
42	GIA LAI	30
43	KON TUM	30
44	LÂM ĐỒNG	50
V	ĐÔNG NAM BỘ	
45	HỒ CHÍ MINH	100
46	ĐỒNG NAI	70
47	BÌNH DƯƠNG	70
48	BÌNH PHƯỚC	50
49	TÂY NINH	50
50	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	70
VI	ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (*)	
51	LONG AN	70
52	TIỀN GIANG	50
53	BẾN TRE	50
54	TRÀ VINH	50
55	VĨNH LONG	50
56	CẦN THƠ	50
57	HẬU GIANG	50
58	SÓC TRĂNG	30
59	AN GIANG	30
60	ĐỒNG THÁP	50
61	KIÊN GIANG	50
62	BẠC LIÊU	50
63	CÀ MAU	30

* Trừ một số chương trình, dự án liên quan đến phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu của một số địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long mà Chính phủ cần hỗ trợ theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 1/4/2021 của Chính phủ thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

SỐ TT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỶ LỆ CHO VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ (%)
36	PHÚ YÊN	50
37	KHÁNH HÒA	70
38	NINH THUẬN	50
39	BÌNH THUẬN	50
IV	TÂY NGUYÊN	
40	ĐẮK LẮK	30
41	ĐẮK NÔNG	30
42	GIA LAI	30
43	KON TUM	30
44	LÂM ĐỒNG	50
V	ĐÔNG NAM BỘ	
45	HỒ CHÍ MINH	100
46	ĐỒNG NAI	70
47	BÌNH DƯƠNG	70
48	BÌNH PHƯỚC	50
49	TÂY NINH	50
50	BÀ RỊA - VŨNG TÀU	70
VI	ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (*)	
51	LONG AN	70
52	TIỀN GIANG	50
53	BẾN TRE	50
54	TRÀ VINH	50
55	VĨNH LONG	50
56	CẦN THƠ	50
57	HẬU GIANG	50
58	SÓC TRĂNG	30
59	AN GIANG	30
60	ĐỒNG THÁP	50
61	KIÊN GIANG	50
62	BẠC LIÊU	50
63	CÀ MAU	30

* Trừ một số chương trình, dự án liên quan đến phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu của một số địa phương vùng Đồng bằng sông Cửu Long mà Chính phủ cần hỗ trợ theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 1/4/2021 của Chính phủ thì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.